

**CHUYÊN ĐỀ**  
**THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC**  
**QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CÁC**  
**TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG**

*Vũ Tài Huy, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tổng cục*

# BỘ CỤC BÀI TRÌNH BÀY

1

- PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

2

- GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

3

- QUAN TRẮC CHẤT THẢI

**PHẦN 1.**  
**PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**



# Tiêu chí về môi trường

K1 Đ28L

- ▶ Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- ▶ Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- ▶ **Yếu tố nhạy cảm về môi trường** gồm khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

## Quy định cụ thể về các tiêu chí môi trường – Đ25N:

### ► Quy mô:

- Theo tiêu chí của pháp luật về Đầu tư công: Quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C;
- Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước: Lớn, trung bình và nhỏ;
- Sử dụng khu vực biển: Theo thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm, giao khu vực biển, lấn biển;
- Khai thác tài nguyên thiên nhiên: Theo thẩm quyền cấp phép.

► Công suất: Phụ lục II NĐ 08/2022/NĐ-CP (Lớn, trung bình và nhỏ).

### ► Loại hình sản xuất:

Danh mục loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II NĐ 08/2022/NĐ-CP;

Loại hình sản xuất khác.

(Tiếp)

► Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo pháp luật về PLĐT;
  - Xả nước thải vào nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt theo pháp luật về TNN;
  - Sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác;
  - Sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng;
  - Chuyển mục đích SD đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; chuyển mục đích SD đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ;
- Quy mô di dân, tái định cư.

# Phân loại DẠĐT theo nhóm nguy cơ – Đ28L; Đ25N:

## Nhóm 1. Nguy cơ tác động xấu đến MT mức độ cao

- ▶ DA nguy cơ gây ONMT quy mô lớn/TB + nhạy cảm MT;
- ▶ DA xử lý CTNH; nhập khẩu phế liệu; phá dỡ tàu biển;...
- ▶ DA không thuộc nguy cơ gây ONMT với quy mô lớn + nhạy cảm về MT;
- ▶ DA sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển quy mô lớn/TB + nhạy cảm MT;
- ▶ DA khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô lớn/TB + nhạy cảm MT;
- ▶ DA có chuyển mục đích sử dụng đất quy mô TB trở lên + nhạy cảm MT;
- ▶ DA có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô lớn.

## (Tiếp)

### **Nhóm 2: Nguy cơ tác động xấu đến MT**

- DA có nguy cơ gây ONMT quy mô TB;
- DA có nguy cơ gây ONMT với quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;
- DA không NC ONMT quy mô TB + nhạy cảm MT;
- DA sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển quy mô TB hoặc quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;
- DA khai thác khoáng sản, tài nguyên nước quy mô TB hoặc quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;
- DA có chuyển mục đích sử dụng đất quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;
- DA có yêu cầu di dân, tái định cư quy mô TB.

### **Nhóm 3: Ít có nguy cơ tác động xấu đến MT**

- DA có nguy cơ gây ONMT quy mô nhỏ;
- DA không thuộc loại hình có nguy cơ gây ONMT có phát sinh NT, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh CTNH phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.

### **Nhóm 4: Không có nguy cơ tác động xấu đến MT**

DA còn lại.



# MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CHUNG KHI PHÂN LOẠI

(1) Xác định rõ các tiêu chí về môi trường của dự án đó theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, bao gồm: quy mô; công suất; loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; yếu tố nhạy cảm về môi trường. Việc xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án đầu tư thuộc Phụ lục III và IV phải bảo đảm theo đúng quy định chi tiết tại khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(2) Phải bảo đảm nguyên tắc loại trừ quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 Luật BVMT. Theo đó, đối với 01 dự án đầu tư khi phân loại theo các tiêu chí môi trường mà có thể đồng thời thuộc nhiều hơn 01 nhóm quy định tại các Phụ lục III, IV hoặc V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án này được xếp vào nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao hơn.

(3) Trường hợp dự án đầu tư được xác định thuộc nhóm II và có một trong các tiêu chí thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM thì dự án được xếp vào số thứ tự phải thực hiện ĐTM.

(4) Trường hợp dự án đầu tư có nhiều hơn một hạng mục/hoạt động với các tiêu chí về môi trường khác nhau thì lựa chọn hạng mục/hoạt động thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao hơn để phân loại dự án.

(5) Trường hợp sau khi phân loại mà dự án đầu tư không thuộc các Phụ lục III, IV hoặc V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì xác định dự án đầu tư đó thuộc nhóm IV (không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).

# CÁCH THỨC TRA CỨU ĐỂ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

## ***Bước 1. Xác định loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kèm theo quy mô, công suất của dự án***

Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án có hoặc không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Trường hợp dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì xác định công suất của dự án theo 01 trong 03 mức (lớn, trung bình, nhỏ) quy định tại các cột (3), (4), (5) Phụ lục II nêu trên.

Trường hợp dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì xác định quy mô của dự án theo 01 trong 03 nhóm (A, B, C) theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

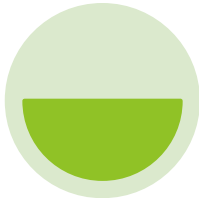
## ***Bước 2. Xác định quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước của dự án***

Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp:

(i) sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn ( $\geq 100$  ha);

(ii) quy mô trung bình (từ 50 đến dưới 100 ha).

# CÁCH THỨC TRA CỨU ĐỂ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

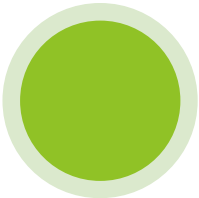


## ***Bước 3. Xác định quy mô sử dụng khu vực biển của dự án***

Căn cứ quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp:

(i) thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT; thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm của Bộ TN&MT;

(ii) thuộc thẩm quyền giao khu vực biển, cấp giấy phép nhận chìm của UBND cấp tỉnh.



## ***Bước 4. Xác định quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên của dự án***

Căn cứ quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước, kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp:

(i) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ TN&MT;

(ii) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của UBND cấp tỉnh.

# CÁCH THỨC TRA CỨU ĐỂ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

## *Bước 5. Xác định quy mô yêu cầu di dân, tái định cư của dự án*

- Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp: (i) có yêu cầu di dân, tái định cư quy mô lớn; (ii) có yêu cầu di dân, tái định cư quy mô trung bình.

---

- Có/không nằm trong nội thành, nội thị của đô thị (chỉ áp dụng cho dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).

---

- Có/không xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

---

- Có/không sử dụng đất, đất có mặt nước của: (1) khu bảo tồn thiên; (2) rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; (3) khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (4) vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; (5) di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Trường hợp có sử dụng thì tiếp tục xác định mức độ nhạy cảm theo 01 trong 02 trường hợp: cao hoặc thấp.

---

## *Bước 6. Xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án*

- Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án có hoặc không có yếu tố nhạy cảm về môi trường; trường hợp có yếu tố nhạy cảm về môi trường sẽ làm rõ mức độ nhạy cảm của một số yếu tố.

- Có/không yêu cầu: (1) chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (2) chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ. Trường hợp có yêu cầu thì tiếp tục xác định mức độ nhạy cảm theo 01 trong 02 trường hợp: cao hoặc thấp.

---

- Có/không yêu cầu di dân tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng (thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội).

# BẢNG THAM KHẢO TRA CỨU

		Có yếu tố nhạy cảm về môi trường						Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường	
		Nằm trong nội thành, nội thị của đô thị	Có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: (1) khu bảo tồn thiên; (2) rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; (3) khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (4) vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; (5) di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh		Có yêu cầu: (1) chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (2) chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ			Có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng
				Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp	Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp		
		(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)	(vii)	(viii)
Thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Lớn	I							
	Trung bình	I	I	I	I	I	I	I	II(B)
	Nhỏ	II(B)	II(B)	I	II(A)	I	II(A)	I	III
Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đồng thời có cấu phần xây dựng	Nhóm A	Được phân loại như	I	I	I	I	I	I	II(B)
	Nhóm B	không có yếu tố nhạy cảm về môi trường tại	II(B)	I	II(A)	I	II(A)	I	II(B)
	Nhóm C	cột (viii)	II(B)	I	II(A)	I	II(A)	I	III

# BẢNG THAM KHẢO TRA CỨU

		Có yếu tố nhạy cảm về môi trường						Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường	
		Nằm trong nội thành, nội thị của đô thị	Có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: (1) khu bảo tồn thiên; (2) rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; (3) khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (4) vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; (5) di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh		Có yêu cầu: (1) chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (2) chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ			Có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng
				Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp	Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp		
		(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)	(vii)	(viii)
Sử dụng đất, đất có mặt nước	Lớn (≥100 ha)	I	I	I	I	I	I	I	I
	Trung bình (Từ 50 đến dưới 100ha)	II(A)	II(A)	I	II(A)	I	II(A)	I	II(A)
Sử dụng khu vực biển	TTgCP, Bộ TNMT	I	I	I	I	I	I	I	I
	UBND tỉnh	II(A)	II(A)	I	II(A)	I	II(A)	I	II(A)

# BẢNG THAM KHẢO TRA CỨU

		Có yếu tố nhạy cảm về môi trường						Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường	
		Nằm trong nội thành, nội thị của đô thị	Có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: (1) khu bảo tồn thiên; (2) rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; (3) khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (4) vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; (5) di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh		Có yêu cầu: (1) chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (2) chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ			Có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng
				Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp	Mức độ nhạy cảm cao	Mức độ nhạy cảm thấp		
		(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)	(vii)	(viii)
Khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Bộ TNMT	I	I	I	I	I	I	I	I
	UBND tỉnh	II(A)	II(A)	I	II(A)	I	II(A)	I	II(A)
Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Quy mô lớn	I	I	I	I	I	I	I	I
	Quy mô trung bình	II(A)	II(A)	I	II(A)	I	II(A)	-	II(A)
Một số dự án cụ thể quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật BVMT		I							

# ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MT – Đ29L

- ▶ Đối tượng: DA nhóm I.
- ▶ Nội dung:
  - Đánh giá sự phù hợp của địa điểm;
  - Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính;
  - Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường;
  - Lựa chọn phương án quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm và biện pháp giảm thiểu;
  - Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động trong quá trình thực hiện ĐTM.
- ▶ Thẩm định: Không thẩm định riêng mà long ghép khi xem xét quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư.



## 2. ĐTM - Đ30-38L

► Đối tượng:

- Dự án đầu tư nhóm I;

- Dự án đầu tư nhóm II gồm:

- Dự án sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển với quy mô TB hoặc quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;

- DA khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô TB hoặc quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;

- Dự án có chuyển mục đích sử dụng đất quy mô nhỏ + nhạy cảm MT;

- DA có di dân, tái định cư với quy mô TB.

► Thời điểm: Thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

► QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

### 3. Thay đổi nội dung ĐTM – K4,Đ37L

- ▶ Thực hiện ĐTM khi: Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm **tăng tác động xấu đến môi trường**;
- ▶ Báo cáo đề được xem xét, chấp thuận nếu thay đổi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, vị trí xả trực tiếp nước thải nhưng không thuộc trường hợp thực hiện ĐTM; bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;
- ▶ Tự xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm với các thay đổi khác không thuộc trường hợp quy định trên; tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (nếu có).

# Tăng/thay đổi tăng TĐ xấu đến MT - Đ27N

- ▶ Tăng quy mô, công suất tới mức phải thực hiện thủ tục **chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư** hoặc **thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**;
- ▶ **Thay đổi công nghệ sản xuất** làm phát sinh chất thải **vượt quá khả năng xử lý** của các công trình BVMT so với phương án trong quyết định phê duyệt;
- ▶ **Thay đổi công nghệ xử lý chất thải** có khả năng **tác động xấu đến môi trường** so với phương án đã phê duyệt;
- ▶ **Thay đổi địa điểm** thực hiện DA, trừ trường hợp dự án trong KCN, CCN có địa điểm thực hiện thay đổi phù hợp với quy hoạch phân khu chức năng của KCN, CCN;
- ▶ **Thay đổi vị trí xả trực tiếp nước thải** sau xử lý vào nguồn nước **có yêu cầu cao hơn** hoặc **thay đổi nguồn tiếp nhận** làm gia tăng ô nhiễm, sạt lở, sụt lún.

# Một số thay đổi về ĐTM so với pháp luật về BVMT trước đây

- ▶ Về nội dung báo cáo ĐTM: được quy định thực chất hơn, trong đó có làm rõ các yếu tố nhạy cảm về môi trường.
- ▶ Về tham vấn: Bổ sung hình thức tham vấn đăng tải trên cổng TTĐT;
- ▶ Quy định cụ thể 07 trường hợp tham vấn đặc thù, trong đó tạo thuận lợi hơn cho chủ dự án (như không phải hội thảo, tọa đàm; giảm số lượng chuyên gia, nhà khoa học);
- ▶ Giảm đối tượng phải ĐTM đối với trường hợp cơ sở đang hoạt động (thay đổi công nghệ; bổ sung ngành nghề K-CCN).

## PHẦN 2. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG



# Các loại GPMT thành phần

Đd; k2, Đ42L

- ▶ Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT;
- ▶ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- ▶ Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi;
- ▶ Giấy phép xả khí thải công nghiệp;
- ▶ Sổ Đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
- ▶ Giấy phép xử lý CTNH;
- ▶ Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

# 1. GP môi trường – Đ39-48L; Đ28,29N

## ► Đối tượng:

- DA đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có **phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh CTNH phải được quản lý** theo quy định về quản lý chất thải;
- DA, cơ sở, Khu sxkddv tập trung hoạt động trước ngày 01/01/2022 có **tiêu chí về môi trường như đối tượng phía trên.**
- DA đầu tư công khẩn cấp được miễn GP môi trường.

## ► Thẩm quyền cấp

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ QP; Bộ Công an;
- UBND cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện.

(Lưu ý: theo TQ phê duyệt ĐTM, trừ chuyển tiếp)

# (Tiếp)

## ► Thời điểm:

- Đối tượng ĐTM: Phải có GP trước khi VHTN;
- Không thuộc ĐTM, phải có GP trước khi được cấp, điều chỉnh giấy phép khác;
- Nếu đang VHTN trước ngày 01/01/2022 thì có thể xin cấp phép và tiếp tục VHTN;
- Cơ sở đang hoạt động trước ngày 01/01/2022 phải có GPMT trong thời hạn 36 tháng;
- GPMT thành phần có thời hạn được SD đến khi hết thời hạn; GPMT không kỳ hạn được SD 05 năm kể từ 01/01/2022;
- GPMT thay QĐ phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM.



## 2. Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại GPMT/ĐKMT

(Đ44L và Đ30N)

- ▶ Cấp đổi: Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở - Có trách nhiệm tiếp tục thực hiện và thông báo cho cơ quan cấp phép - Trên môi trường điện tử - Không mất phí.
- ▶ Điều chỉnh: (Trên môi trường điện tử)
  - Thay đổi nội dung cấp phép theo đề nghị của chủ dự án, cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật;
  - DA, cơ sở có thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc nhập khẩu phế liệu sau khi kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm để phù hợp với năng lực hoạt động thực tế.
- ▶ Cấp lại:
  - Giấy phép hết hạn;
  - Tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường.

### 3. Vận hành thử nghiệm công trình XLCT sau khi được cấp GPMT

- ▶ Quy định 08 trường hợp không phải vận hành thử nghiệm;
- ▶ Thời gian vận hành thử nghiệm theo tính chất dự án (tối thiểu từ 03 đến 06 tháng đối với loại hình có nguy cơ gây ONMT và công suất lớn; không quá 06 tháng đối với trường hợp còn lại);
- ▶ Không bắt buộc đánh giá từng công đoạn;
- ▶ Có quy định về gia hạn vận hành thử nghiệm;
- ▶ Trách nhiệm các cơ quan cấp phép trong quá trình vận hành thử nghiệm.

## 4. Đăng ký MT - Đ49L

<b>Đối tượng ĐKMT</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- DA có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có GPMT</li><li>- Cơ sở hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có GPMT</li></ul>
<b>Thẩm quyền</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ủy ban nhân dân cấp xã;</li><li>- Dự án, cơ sở trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, chủ dự án đầu tư, cơ sở được quyền chọn UBND cấp xã để đăng ký.</li></ul>
<b>Miễn ĐKMT</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bí mật nhà nước;</li><li>- Khi đi vào vận hành không phát sinh chất thải hoặc phát sinh CTRSH dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương;</li><li>- Hoặc nước thải dưới 05 m<sup>3</sup>/ngày, khí thải dưới 50 m<sup>3</sup>/giờ xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương;</li><li>- Thuộc danh mục cụ thể tại Phụ lục.</li></ul>

# PHẦN 3. QUAN TRẮC CHẤT THẢI



# Đối tượng phải quan trắc nước thải, bụi, khí thải

Đ111, 112L; Đ97, 98N

## NƯỚC THẢI

- ▶ Mức lưu lượng (theo tổng công suất thiết kế của tất cả các công trình, thiết bị xả nước thải ra môi trường ghi trong GPMT):
  - Thuộc loại hình có nguy cơ: + Trung bình: 200-dưới 500m<sup>3</sup>/ng;  
+ Lớn: từ 500m<sup>3</sup>/ng trở lên.
  - Không thuộc loại hình: + Lớn từ 500-dưới 1.000m<sup>3</sup>/ng;  
+ Rất lớn từ 1.000m<sup>3</sup>/ng trở lên.
- ▶ Đối tượng phải quan trắc định kỳ: Mức lưu lượng lớn.
- ▶ Đối tượng phải quan trắc tự động: Theo lộ trình. Trước mắt yêu cầu mức lớn đối với loại hình nguy cơ; rất lớn đối với không nguy cơ.

# Đối tượng phải quan trắc nước thải, bụi, khí thải

Đ111, 112L; Đ97, 98N

## BỤI, KHÍ THẢI

- ▶ Mức lưu lượng (theo lưu lượng hoặc công suất thiết kế của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp ghi trong GPMT):

Lưu ý là tính theo tổng lưu lượng các công trình, thiết bị cùng loại.

- Thuộc loại hình: Lớn và rất lớn.
- Không thuộc loại hình: Lớn.
- ▶ Đối tượng phải quan trắc định kỳ: Mức lưu lượng lớn.
- ▶ Đối tượng phải quan trắc tự động: Theo lộ trình, trước mắt yêu cầu mức rất lớn.

# TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

TĂNG TRƯỞNG  
KINH TẾ



ĐẦU TƯ XÃ HỘI



BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG

